

QUYỀN 66

Đã không có ngã thì cũng không có 16 tri kiến như nhân, chúng sinh, thọ giả v.v... *Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Phật dạy: Như danh sắc trói buộc chúng sinh; nếu diệt danh sắc thì không có chúng sinh, là danh sắc không riêng có chúng sinh, là chúng sinh không riêng có danh sắc, nên cũng gọi danh sắc trói buộc chúng sinh, cũng gọi chúng sinh trói buộc danh sắc.

Bồ-tát Sư Tử Hồng thừa: Bạch Thế Tôn, như mắt chẳng tự thấy, tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, ái chẳng tự thọ, tại sao Như Lai nói danh sắc trói buộc danh sắc. Vì danh sắc là chúng sinh, chúng sinh là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc. Phật bảo: Thiện nam, như lúc hai tay hợp thì không có pháp khác đến hợp, danh và sắc cũng như thế. Do nghĩa này ta nói danh sắc trói buộc chúng sinh; nếu là danh sắc thì được giải thoát”.

Giải thích: Như lúc hai tay hợp thì không có pháp khác đến hợp, nghĩa là hai tay tuy có tướng hợp nhưng chỉ là tác dụng của một thân nên không có pháp khác. Tuy chẳng phải pháp khác nhưng nếu chỉ có một tay thì nghĩa hợp chẳng thành, như danh sắc và chúng sinh tuy chẳng khác biệt nhưng phải do danh sắc trói buộc chúng sinh, cho nên phải là danh sắc mới được giải thoát; tất cả các pháp ly, hợp, phược, thoát cũng như thế. *Kinh Duy-ma* nói: “Pháp không có người, vì trước sau đều bất dứt”. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Trời sinh ra vạn vật con người là tôn quý; trước sau chẳng thay đổi gọi là người; ngoại đạo cho người là thần”, nghĩa là trước sau chẳng biến đổi; nếu thuở trước, thuở sau của pháp đều bất thì luôn mới chẳng đồng; luôn mới chẳng đồng thì không gì chẳng biến đổi; không gì chẳng biến đổi thì không có người. Đã thuở trước không người, thuở sau không thọ giả, thuở giữa không ngã, không chúng sinh thế gian.

Hễ có pháp đều là ý ngôn phân biệt, lập ra danh tướng đều không có thật nghĩa, chúng sinh chẳng rõ mê làm có sở đắc nên

chìm đắm trong ấy không ra khỏi được. Thế nên chư Phật phương tiện nói chính nghĩa duy thức nhân không và pháp không, ở trong danh tướng hư dối mà có thể ra khỏi.

Luận Đại Trí Độ ghi: “Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, tất cả pháp rỗng không, không có cội rễ, như mộng, như huyễn v.v... chúng sinh ở nơi nào để Bồ-tát cứu vớt? Ý của ngài Tu-bồ-đề nói rằng như người chìm trong bùn sâu mà được cứu vớt.

Phật đáp: Chúng sinh chỉ sống trong danh tướng hư dối, ức tướng phân biệt. Ý Phật nói rằng trong tất cả pháp quyết định không có thật, chỉ là phàm phu hư dối chấp trước, như người trong tối thấy dường như có người vật cho là người thật mà cảm thấy sợ hãi. Lại như chó dữ đến trước giếng tự sửa bóng của mình; trong giếng không có con chó, chỉ có cái bóng của nó mà chó sinh ác tâm lao xuống giếng chết. Chúng sinh cũng như thế, bốn đại hòa hợp nên gọi là thân, nhân duyên sinh thức hòa hợp nên có động tác ngôn ngữ, phàm phu trong đó khởi nhân tướng sinh ra yêu thích hoặc sinh sân giận, khởi tội nghiệp, đọa vào ba đường ác. Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì thương xót chúng sinh dùng các nhân duyên giáo hóa khiến họ biết pháp không mà tế độ họ, nên nói như sau: “Pháp này đều tất cánh không không thật có, bởi chúng sinh điên đảo hư vọng nên thấy dường như có, như hóa, như huyễn, như thành càn-thát-bà, không thật có, chỉ là lừa gạt mắt người”. (...) Phật bảo Tu-bồ-đề: Nếu các pháp thật có như mây lông, lúc Bồ-tát ngồi đạo tràng chẳng thể giác ngộ tất cả pháp không vô tướng, vô sở hữu, được thành vô thượng chính đẳng chính giác, cũng chẳng thể đem pháp này làm lợi ích chúng sinh v.v...

Lại nói: Như người đi xa một mình ngủ nhờ trong ngôi nhà hoang, đêm ấy có quỷ vác một tử thi đến đặt trước mặt; lát sau có một con quỷ khác từ phía sau đi đến giận dữ mắng con quỷ đến trước:

- Đây là tử thi của ta, tại sao ngươi mang đến đây?

Con quỷ đến trước cãi lại:

- Đây là vật của ta, ta có quyền mang đến.

Hai quỷ lôi kéo giành giật tử thi, con quỷ đến trước bảo: Người hãy hỏi người này!

Con quỷ đến sau liền hỏi:

- Tử thi này là ai ? Ai mang đến đây ?

Người khách ngủ trọ suy nghĩ: “Hai con quỷ này đều có thần lực; ta nói thật, nói dối đều khó tránh khỏi cái chết, vậy ta chẳng nên nói dối”.

Nghĩ thế, ông ta liền đáp:

- Quỷ trước mang đến.

Quỷ đến sau nổi giận kéo đứt tay chân của ông ta quăng trên đất. Quỷ đến trước hồ thẹn, bèn lấy tứ chi của tử thi bù đắp lại, toàn thân ông ta đều thay đổi. Khi ấy, hai con quỷ cùng ăn thân của người sống bị thay đổi; ăn xong lau miệng rồi quay lưng bỏ đi. Người khách ngủ trọ nghĩ: “Thân thể do cha mẹ sinh ra bị bọn quỷ ăn hết rồi, thân ta bây giờ là thịt của người khác, vậy ta có thân hay là không có thân ? Nghĩ thế, trong lòng ông mê loạn bối rối không biết làm sao như người điên. Khi trời đã sáng, ông ta tìm đường ra đi trở về nước của mình, thấy có tháp Phật liền hỏi chúng tăng một việc là thân tôi là có hay là không. Các tỳ-kheo hỏi:

- Ông là người gì ?

- Tôi cũng chẳng biết là người hay chẳng phải người.

Liền kể lại chuyện đã xảy ra cho chúng tăng nghe, chúng tăng nói với nhau:

“Người này tự biết thân của mình vô ngã, rất dễ hóa độ”. Họ bèn bảo ông ta:

- Thân ông xưa nay luôn tự vô ngã, chỉ do bốn đại hòa hợp tụ tập chấp làm thân của mình, như thân ông ngày xưa với thân ngày nay không khác.

Khi ấy, các tỳ-kheo độ ông ta làm sa-môn, dứt trừ phiền não chúng A-la-hán. Thế nên có lúc thân người khác chấp là mình, vì đã là vô ngã; có lúc cho mình là người khác. Cho nên *kinh Văn-thù Vấn*

ghi: “Có một lão già nằm ngủ ban đêm, chộp nhầm hai đầu gối của mình liền hỏi: Vì sao có hai đứa trẻ ? Nếu thân có ngã tại sao chẳng biết mà cho là đứa bé”. Cho nên biết chấp càn bướng đều là nhất định không thật.

Lại nói: Bồ-tát tư duy: Các pháp rỗng không không ngã, không chúng sinh, từ nhân duyên nên có bốn đại, sáu thức. Mười pháp này đều có năng lực hay sinh khởi, hay tạo tác, như đất hay giữ gìn, nước hay làm mục nát, lửa hay làm tiêu tan, gió hay làm xoay chuyển, thức hay phân biệt. Mười pháp này đều có sự tạo tác, chúng sinh điên đảo cho là người làm, mình làm, như xương da hòa hợp nên có tiếng nói; hoặc giả nói rằng tiếng người như lửa thiêu cháy rừng trúc phát ra âm thanh lớn, trong ấy không có tác giả. Lại như người gõ, người huyễn, người biến hóa, tuy có thể cử động nhưng không có tác giả. Mười pháp này cũng như thế.

Luận Quảng Bách ghi: “Nếu theo sự hiểu biết của mình chấp có ngã thì đâu không chỉ duyên thân vô thường mà còn hư vọng phân biệt chấp là thật ngã. Bởi vì sao ? Hiện tại thấy thế gian chỉ duyên các thân trước sau, tùy duyên phận vị sai biệt, hư vọng so đo ta béo, ta gầy, ta hơn, ta kém, ta sáng, ta tối, ta khổ, ta vui; thân vô thường hay có việc này, còn thật ngã thường trụ không có sự sai biệt này. Do đây so sánh biết, tất cả ngã kiến đều không có thật ngã cho là cảnh giới, chỉ duyên thân hư vọng làm cảnh, theo vọng tưởng của mình giác tuệ sinh, như ban đêm thấy sợi dây điên đảo cho là con rắn.

Luận Bảo Hành Vương Chính có kệ :

*Như người nhờ gương sáng
Thấy được gương mặt mình
Hình ảnh được nhìn thấy
Hoàn toàn chẳng chân thật.
Ngã kiến cũng như thế
Nhờ ám được hiển hiện
Xem xét thật chẳng có*

Cũng như bóng trong gương.

Luận Hiển Dương hỏi: Nếu chỉ có uẩn không có ngã khác thì ai thấy, ai nghe, ai hay phân biệt ? (...) Dùng kệ đáp:

*Ánh sáng hay chiếu soi
Lìa ánh sáng không có thể
Cho nên nơi trong ngoài
Không, nghĩa “vô ngã” thành.*

Luận nói: “Hiện tại thấy thế gian là ở nơi thể của ánh sáng có công dụng hay chiếu nên gọi là chiếu; lìa ngoài cái thể của ánh sáng không có sự chiếu soi, như mắt có công dụng thấy nên gọi là thấy cho đến phân biệt, không có thấy khác, vì vậy các pháp trong ngoài đều không có ngã”.

Hỏi: Nếu thật không có ngã, tại sao thế gian có nhiễm, có tịnh ?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh từ nhân duyên sinh, chẳng do thật ngã, vì sao ? Tụng rằng:

*Như ngoại vật thế gian
Lìa ngã có tồn ích
Trong tuy không thật ngã
Nghĩa nhiễm tịnh liền thành.*

Luận nói: Như ngoại vật thế gian tuy không có ngã nhưng có những điều tai họa và lợi ích. Như vậy nội pháp tuy không có ngã nhưng có các nghĩa nhiễm tịnh, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Nhân pháp đã không, nếu thật vô ngã thì ai chịu sinh tử, ai thọ y báo, chính báo, hoặc ai nham chán khổ đau cầu đến niết-bàn và các việc trói buộc, cởi mở qua lại, lên xuống v.v...

Đáp: Tuy không có tác giả mà có tác nghiệp do thế lực của các duyên nên nối nhau chẳng dứt cho đến đời sau, chỉ lấy thức làm chủ tử hay có các việc nham chán, mong cầu, ghi nhớ v.v...

Kinh Đại Niết-bàn ghi: “Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn, năm uẩn của chúng sinh rộng không chẳng thật có thì ai thọ giáo tu đạo ?

Phật dạy: Nay thiện nam, tất cả chúng sinh đều có niệm tâm, tuệ tâm, phát tâm, cần tinh tiến tâm, tín tâm, định tâm. Các pháp như thế tuy niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tự tương tục chẳng dứt nên gọi là tu đạo (...) Như ngọn đèn tuy niệm niệm diệt mà có ánh sáng trừ tối tăm. Các pháp như niệm v.v... cũng như thế, như thức ăn của chúng sinh tuy niệm niệm diệt nhưng có thể làm cho kẻ đói được no; như thuốc hay tuy niệm niệm diệt nhưng có thể chữa lành bệnh; như ánh sáng mặt trời, mặt trăng tuy niệm niệm diệt nhưng có thể khiến cỏ cây rừng rậm tăng trưởng.

Nay thiện nam, ông nói niệm niệm diệt thì làm sao tăng trưởng, vì tâm chẳng gián đoạn nên gọi là tăng trưởng”.

Kinh Tịnh Danh có kệ:

*Tuy không ngã, không tạo, không nhận,
Nghiệp quả thiện ác cũng chẳng mất.*

Đánh mất nghiệp nhân thiện ác, quả báo khổ vui, chẳng phải có nhân ngã năng tác năng thọ mà chỉ do thức giữ gìn nhân quả chẳng mất. Như cổ đức nói: “Chúng sinh vì thiện ác mà thọ báo đều do tâm thức ba đời của chúng sinh niệm niệm nói nhau truyền mãi, như đời này hiện hành năm uẩn là do thức chủng đời trước làm nhân khởi lên quả đời này. Đời nay có tạo nghiệp huân tập chủng tử làm nhân hiện hành đời sau, vì xoay vần nói nhau làm nhân quả”.

Lại nghiệp thiện ác dấy khởi đều do tâm thức, nghĩa là niệm trước tạo nghiệp thiện ác, một niệm thức này tuy diệt nhưng tâm thức của niệm sau liền sinh; tâm thức đã nói nhau không dứt liền có thể giữ gìn nghiệp thiện ác chẳng mất, vì do thức giữ gìn.

Thức luận nói: “Thân tâm hữu tình tương tục do nghiệp lực phiền não mà lưu chuyển trong các loài, nhằm chán khổ đau nên cầu đến niết-bàn”. Do đây nên biết quyết định không có thật ngã; chỉ có các thức từ vô thủy đến nay trước diệt sau sinh nhân quả nói nhau, do vọng huân tập dường như có tướng ngã hiện hiện, người ngu vọng chấp là ngã, cho nên biết chán khổ, cầu vui, bỏ đây, sinh kia thì nghiệm biết là vô ngã. Nếu quyết định có thật ngã, có tự thể

thì chẳng thể đến đi tùy duyên sinh diệt. Vì quyết định có nên chẳng thể dời đổi, chỉ vì thức tâm như huyền vô định nên có lý từ phạm vào Thánh, môn chán vọng cầu chân thì chẳng hoại nhân duyên, hay gồm chính lý.

Luận Đại Trang Nghiêm hỏi: Có trói thì có mở, vô ngã thì không có trói buộc; nếu không có trói buộc thì ai được giải thoát ?

Đáp: Tuy không có ngã nhưng vẫn có trói buộc giải thoát, vì sao ? Vì phiền não che lấp nên bị trói buộc, nếu dứt phiền não thì được giải thoát, vì vậy tuy không có ngã nhưng vẫn có trói buộc giải thoát.

Hỏi: Nếu vô ngã thì ai thọ sinh đời sau ?

Đáp: Từ các nghiệp phiền não quá khứ có được thân và các căn hiện tại. Từ đời hiện tại lại tạo các nghiệp, do nhân duyên này có được thân và các căn vị lai. Ví như hạt giống do nhiều duyên hòa hợp nên được nảy mầm, nhưng hạt giống này thật ra chẳng đến mầm. Hạt giống diệt mất nên mầm tăng trưởng; hạt giống diệt nên chẳng thường, mầm sinh nên chẳng đoạn. Phật dạy thọ thân cũng như thế, tuy vô ngã nhưng nghiệp báo chẳng mất.

Hỏi: Nếu không có ngã, tại sao vẫn nhớ những việc đã làm trước kia ?

Đáp: Vì có niệm giác tương ưng với tâm nên có thể nghĩ nhớ những việc ba đời chẳng quên mất.

Hỏi: Nếu không có ngã, quá khứ đã diệt, hiện tại đang sinh; sinh diệt sai biệt làm thế nào nghĩ nhớ chẳng quên ?

Đáp: Tất cả thức thọ sinh là chủng tử, lúc vào thai mẹ do nước ái tưới mát khiến cây thân sinh trưởng, như hạt hồ đào tùy loại nảy nở. Thân năm ấm hiện tại tạo nghiệp hay cảm thân năm ấm đời sau, nhưng năm ấm trước chẳng sinh ra năm ấm sau, do nghiệp duyên nên thọ năm ấm sau, cho đến diệt tuy có sai biệt nhưng vẫn nối nhau chẳng dứt. Như đứa trẻ bệnh được nhũ mẫu cho uống thuốc mà lành bệnh; nhũ mẫu tuy chẳng phải đứa trẻ, nhưng công năng

của thuốc có thể giúp cho đứa trẻ; ấm cũng như thế, bởi có nghiệp lực liền thọ ấm sau nghĩ nhớ chẳng quên.

Luận Đại Trí Độ hỏi: Chỗ thú hướng của tâm, tâm đi hay chẳng đi ? Nếu đi, đây là không có tâm như người chết; nếu chẳng đi thì làm sao có thể duyên ? Như Phật dạy nương vào ý, duyên nơi pháp mà có ý thức; ý nếu chẳng đi thì không hòa hợp ?

Đáp: Tâm chẳng đi, chẳng trụ mà hay biết, như trong kinh Bát-nhã nói “tất cả pháp không có tướng đến đi”, tại sao nói tâm có đến đi ? Nếu có đến đi thì rơi vào thường kiến. Các pháp không có tướng cố định, biết tâm chẳng trụ là tướng vô thường, kết sử chưa dứt thì sinh chấp trước có ta, bèn tư duy: nếu tâm vô thường thì ai biết đó là tâm ? Tâm thuộc về ai ? Ai là chủ của tâm để thọ khổ vui ? Ai sở hữu các vật ? Tức là phân biệt biết không có chủ nào khác, chỉ do năm ấm chấp có nhân tướng mà sinh ngã tâm; do ngã tâm nên sinh ngã sở; tâm ngã sở sinh nếu lợi ích cho mình thì sinh tham dục; nếu trái nghịch mình thì sinh sân giận. Các phiền não như ái v.v... tạm gọi là trói buộc. Nếu tu đạo cởi mở sự trói buộc này liền được giải thoát, gọi là niết-bàn, không còn có pháp gọi là niết-bàn. Như người được thoát khỏi gông cùm liền nói đùa rằng đây là cởi mở chân hay cởi mở gông ? Người này thật kì lạ, ở ngoài cái gông cái chân lại cầu cởi mở. Chúng sinh cũng như thế, lìa năm ấm diệt lại cầu giải thoát, cho nên biết có thức thì có trói buộc, không thức thì giải thoát. Nếu lìa năm ấm rỗng không riêng cầu giải thoát giống như lìa hư không phương này riêng tìm hư không phương khác, do đó *kinh Tư Ích* nói: “Người ngu nơi ấm giới nhập mà muốn cầu bờ-đề, ấm giới nhập chính là bờ-đề, lìa nó thì không có bờ-đề”.

Hoa Nghiêm Hội Ý hỏi: Nếu theo sáu căn vô ngã thì ai tạo nghiệp, ai thọ báo ? Đáp: Phật dạy làm thiện sinh thiên là chịu quả báo xấu, đây là do nhân duyên nên như thế, chẳng phải là ngã hay chịu báo.

Nếu nói là do ngã chẳng phải là nhân duyên, vì sao làm ác chẳng được sinh thiên mà đọa địa ngục ? Tôi đâu thích địa ngục mà

phải chịu khổ, tôi đã làm ác mà chẳng được lạc, cho nên biết thiện ác cảm báo chỉ là nhân duyên, chẳng phải là ngã. Luận nói: “Do nhân duyên nên sinh thiên, do nhân duyên nên đọa địa ngục”, là ý này.

Hỏi: Đã nói không có ngã thì ai cảm nhân duyên, nếu nói không có ngã mà chỉ là nhân duyên tự làm thì cỏ cây cũng do nhân duyên sao nó chẳng sinh thiên và chịu khổ ?

Đáp: Trong ngoài tuy chỉ do nhân duyên, nhân duyên có hai thứ:

1- Thiện ác tăng thượng nghiệp nhân duyên, chỉ cảm sinh thiên và địa ngục dị thực v.v...

2- Thiện ác đẳng lưu nghiệp nhân duyên, sinh thiên là chiêu cảm đất báu hoa vàng; đọa địa ngục là chiêu cảm rừng đao, cột đồng, đây là do nhân duyên nghiệp tạo tác, chẳng phải ngã làm ra, đâu thể nói rằng vì thọ báo chẳng đồng mà chấp có ngã. Cho nên kinh nói: “Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả, nghiệp thiện ác cũng chẳng mất”.

Hỏi: Nếu nói tạo nghiệp thọ báo chỉ là nhân duyên chẳng phải do ngã, tại sao có người chứng vô ngã, dù đã tạo nhân duyên ác nghiệp mà chẳng chiêu cảm thọ báo ? Đã được vô ngã thì không thọ báo, cho nên biết do ngã tạo ác nghiệp thọ báo, chẳng phải do nhân duyên của nghiệp.

Đáp: Do được vô ngã liền dứt nhân duyên ác nghiệp, không có nhân duyên nên chẳng thọ báo, chẳng phải cho rằng có ngã, không ngã, thọ, chẳng thọ, cho nên kinh nói: “Do nhân duyên nên pháp diệt v.v... suy xét đúng như thật thì ngã không thật có, vì thế không có ngã chỉ có sáu căn; chấp ngoại ngã là chấp bên ngoài có sáu trần, chẳng phải thật có cái thuộc về ngã.

Hỏi: Nếu nói chỉ là của cải không thật như sắc tụ hội v.v... chẳng phải là ngã sở, tức là chúng ta đều có, vì sao thế gian có người giàu sang, có kẻ bần cùng ?

Đáp: Của cải là sắc pháp từ nghiệp nhân sinh, do nghiệp tốt lành thì của cải sung túc; do nghiệp xấu ác thì bản cùng không một vật, đây là do nghiệp nhân có không, chẳng phải do ngã tạo ra. Nếu nói của cải thật có chẳng phải do nhân duyên nghiệp tạo tác thì tất cả chúng sinh chấp có ngã sở vì sao có nghèo giàu chẳng đồng, cho nên biết do nhân duyên nghiệp, chẳng phải thật có ngã. Nói trường giả sung túc của cải, ngã qui không có một sợi lông che thân, đây là nghiệp vậy. Vì phá bệnh thấy nghe trung gian, nên nơi trung gian chia làm sáu thức, bệnh thấy nghe không thật có; nếu nói thấy nghe là ngã chẳng phải là thức, như người mù điếc có ngã sao chẳng thể thấy nghe ? Người mù điếc tuy có ngã nhưng chẳng thể thấy nghe cho nên biết rằng thấy là thức, chẳng phải là ngã. Suy xét nơi căn, trần, thức chỉ có pháp mà không có ngã nhân.

Hỏi: Hoặc nói có ngã do mê dường như có mà chẳng phải thật có, vì sao chẳng làm người khác là mình ? Nay đã cho mình là mình, chẳng phải là người; cho người là người, chẳng phải là mình, cho nên biết mình người thật có, chẳng phải do suy lường sinh ra.

Lại chỉ là mê tâm chẳng phải thật có, vì sao đối với nước chẳng làm thấy là lửa, đối với lửa làm thấy là nước, vì thế biết nước lửa thật có chẳng phải do mê làm sinh ?

Đáp: Có hai cách giải đáp:

1- Phân biệt chấp ngã bởi ba nguyên nhân: tà sư, tà giáo, tà tư duy. Do ba nguyên nhân này huân tập tập khí lâu ngày bèn chấp người là tha, chấp mình là ngã. Đây là do chấp thật có. Nếu nói thật có chẳng phải do huân tập mà chấp có thì lúc vừa ra khỏi thai sao chẳng chấp mình người ? Vì lúc mới ra khỏi thai chưa huân tập nên chẳng chấp mình người, cho nên biết chấp có mình người là do vọng huân tập.

Lại nói: “Ác kiến huân tập v.v...”.

2- Phàm chỗ thấy chấp thật hẳn do mê làm dường như sinh, nếu là dường như thì không có tính chấp trước, cho nên biết như chấp nước lửa do chấp dường như sinh, vì sao ? Vì nước lửa dường

như có nhưng chỉ là tướng hư dối, bởi tâm dối gạt nên chẳng rõ tướng, hư vọng chấp là thật có, vì sao ? Sự lạnh nóng chỉ là xúc trần, xanh vàng đỏ trắng chỉ là sắc pháp, tướng lưu chuyển, bùng cháy chỉ là pháp trần, chấp thật nước lửa chỉ là pháp trần vọng thấy có, như nói từ tự tâm sinh và cùng tâm tạo ra các tướng.

Hỏi: Đã đích thân xét kỹ nước lửa chỉ là trần, tại sao có tướng nước lửa khác nhau ?

Đáp: Sáu trần chẳng khác biệt chỉ là hư dối dường như có sai khác, vì tự tướng này do mê chấp sinh khởi, thế nên tự tướng và cái chấp chỉ do mê sinh, như nói ngạ quỷ thấy nước là lửa, đây chỉ là từ tự tâm sinh, chẳng phải thật có.

Lại nói: Hễ thấy có mình, thấy có người đều là mê tâm tự hiện, như lầm hướng đông là hướng tây, nhưng người mê hướng tây chẳng lìa người ngộ hướng đông, vì chỉ là người mê hướng tây chẳng thấy người ngộ hướng đông, chẳng phải cho rằng lầm thấy hướng tây không thật có hướng đông. Nếu nói lầm thấy hướng tây không thật có hướng đông thì thấy hướng tây là ngộ, chẳng phải là mê, vì không có người ngộ hướng đông thì không có chỗ mê. Đã biết hướng đông thật mà cho là hướng tây, tại sao người chẳng lìa hướng đông. Tin biết chúng sinh giới chẳng lìa Phật giới, Phật giới chẳng lìa chúng sinh giới, chỉ vì mê nên mắt mù mờ chẳng thể thấy. Thật đáng thương thay.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Ngoại đạo Tiên-ni hỏi: Cù-đàm, nếu không ngã thì ai thấy ai nghe ?

Phật bảo: Thiện nam, trong có sáu nhập, ngoài có sáu trần; trong ngoài hòa hợp sinh sáu thức, sáu thức này do nhân duyên mà được tên. Nay thiện nam, ví như một ngọn lửa do gỗ mà có nên gọi là lửa gỗ, do cỏ mà được nên gọi là lửa cỏ; cho đến ý thức của chúng sinh cũng như thế, do mắt, do sắc, do sáng, do đục nên gọi là nhãn thức. Nay thiện nam, như vậy nhãn thức chẳng ở nơi mắt, cho đến trong đục bốn sự việc hòa hợp nên sinh thức này, cho đến ý thức cũng như thế. Nếu là nhân duyên hòa hợp nên sinh, người trí chẳng

nên nói thấy chính là ngã cho đến chạm xúc chính là ngã. Nay thiện nam, thế nên ta nói nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp là huyền hóa. Thế nào là như huyền ? Hiện tại vốn chẳng có, có rồi hoàn không, cho đến sáu nhập trong ngoài gọi là chúng sinh, ngã nhân, sĩ phu, lia sáu nhập trong ngoài không riêng có chúng sinh, ngã nhân, sĩ phu.

Ngoại đạo Tiên-ni lại hỏi:

- Cù-đàm, như ngài nói trong ngoài hòa hợp thì ai nói rằng tôi làm, tôi thọ ?

Phật bảo:

- Tiên-ni, từ nhân duyên vô minh ái sinh nghiệp, từ nghiệp sinh hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm số, tâm sinh giác quán, giác quán động gió, gió theo tâm xúc chạm họng, lưỡi, răng, môi, chúng sinh điên đảo vọng tưởng nói rằng tôi làm, tôi thọ, tôi thấy, tôi nghe. Nay thiện nam, như cái chuông treo trên lá cờ nhờ gió mà phát ra âm thanh, gió mạnh âm thanh lớn, gió nhẹ âm thanh nhỏ, không có người tạo tác”.

Bách luận nói: “Nếu có ngã thì lẽ ra như sắc v.v... từ duyên sinh, sinh quyết định sẽ diệt thì chẳng phải thường trụ. Nếu chẳng phải duyên sinh thì lẽ ra như sừng thỏ không có thể dụng gì cả sao gọi là ngã. Lại niệm niệm diệt cho nên chẳng phải thường; tương tựa tương tục cho nên chẳng phải đoạn. Như vậy này Phật tử, xa lìa nhị biên bèn ngộ nhập diệu lý trong chỗ duyên sinh”.

Hỏi: Đã không ngã nhân tại sao có sinh có tử ?

Đáp: Sinh là đối sinh, tử là đối tử, rốt ráo không có ngã nhân để được. Kinh nói: “Tất cả pháp thế gian chỉ là nhân quả không có người, chỉ là nương nơi pháp không rồi sinh trở lại pháp không”, là biết trong quả chúng sinh chỉ có danh số; danh số vốn không vạn pháp làm sao có ? *Luận Pháp Tính* nói: “Số hết thì vạn vật đều rỗng, danh mất thì vạn tượng đâu còn”. Nhờ vậy mới biết đây là nẻo tắt hội thông, lối huyền về cội. Cho nên cảnh do danh lập, danh rỗng thì cảnh không; hữu từ số sinh, số rỗng thì hữu bật; chỗ khởi lên

danh số đều là tự tâm, tâm nếu chẳng sinh thì vạn pháp làm sao có ? Do đó *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Tất cả pháp thế gian
Chỉ lấy tâm làm chủ
Theo tri giải nắm tướng
Điên đảo chẳng như thật.*

Nếu có thể thấy như thật thì thấy tính của tự tâm, có thể gọi là nẻo tất hội thông, lối huyền về cội. *Tịnh Danh Sớ* nói người trí giải thích tính của sáu đại vô ngã, như *kinh* nói: “Thân này vô ngã như đất”, đây là y cứ địa chúng nói về vô ngã. Có hai cách giải thích:

1- Đả phá ngoại nhân để giải thích: Ngoại nhân chấp: nếu nói thân không có thần ngã thì ai có thể mang nệ gánh nặng ? Nội nhân phá: Đất cũng có thể gánh vác núi non, vậy nó có thần ngã sao ?

2- Y cứ nội quán để giải thích: Tỳ-đàm nói: “Chúng sinh là giả danh, địa đại là thật pháp”. *Luận Thành Thật* nói: “Địa đại cũng là giả danh, tứ vi là thật pháp”.

Nay tuy nói có giả thật sai khác nhưng đều là khổ đế thuộc về môn vô ngã quán. Như đất do tứ vi làm thành nếu một vi là chủ thì ba vi cũng là chủ; nếu một vi chẳng phải chủ thì ba vi cũng chẳng phải chủ nên biết vô chủ; nếu nội địa do tứ vi làm thành vô chủ thì ngoại địa do tứ vi làm thành cũng vô chủ. Nếu nội địa và ngoại địa vô chủ thì ba việc làm thành làm sao có chủ. Do vô chủ chính là vô ngã nên nói “thân này vô chủ như đất”.

Kinh Thỉnh Quan Âm ghi: “Địa đại không có tính cứng”; nếu địa có là tự tính có, tha tính có, cộng tính có, vô cộng tính có. Trong bốn chúng, tùy chấp một tính thì là có thấy, cho rằng việc này chân thật, những việc khác là vọng ngữ; thật là nghĩa cứng, tính là nghĩa chủ.

Nếu xét rõ bốn tính chẳng có, đây là thấy địa đại là không, việc này chân thật, những việc khác là vọng ngữ; thật là nghĩa cứng, tính là nghĩa chủ.

Nếu thấy địa đại cũng có, cũng không, việc này chân thật, những việc khác là vọng ngữ; thật là nghĩa cứng, tính là nghĩa chủ.

Nếu thấy địa đại chẳng phải có, chẳng phải không, việc này chân thật, những việc khác là vọng ngữ; thật là nghĩa cứng, tính là nghĩa chủ.

Nếu đối với bốn trường hợp trên có sự chấp trước, tức là tính thật là cứng, là chủ.

Kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Nếu tâm chúng sinh chấp tướng thì vướng vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; nếu chấp pháp cũng vướng vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả; nếu chấp phi pháp cũng vướng vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả”.

Nếu chẳng chấp bốn trường hợp trên thì thấy địa đại không có tính cứng. Nếu không có tính cứng thì không chủ, không ngã, nên nói “thân này vô chủ như đất”.

Kinh nói: “Thân này vô ngã như lửa” cũng có hai cách giải thích:

1- Đả phá ngoại nhân để giải thích: Ngoại nhân chấp có thần ngã, làm sao biết được? Thấy thân hay chạy qua lại và nói năng nên biết có thần ngã. Nội nhân phá: Y cứ một pháp lửa đả phá hai chấp. Bởi vì sao? Lửa đốt cháy cỏ đại cũng có thể qua lại tự tại, cũng là có thần ngã sao? Lại thiêu cháy rừng trúc phát ra âm thanh cũng là có thần ngã sao?

2- Y cứ nội quán để giải thích: Lửa là do hai vi làm thành, không có tính cố định, không có tính là không có lửa. Nay thân do danh sắc tạo thành, thân không có tính cố định. Nếu thân không có tính cố định thì không có ngã.

Lại nữa, các hơi ấm trong thân này chính là lửa. Nếu lửa bên ngoài vô ngã thì lửa bên trong cũng vô ngã.

Kinh Thỉnh Quan Âm nói: “Tính lửa của hỏa đại từ nhân duyên sinh”, nếu từ duyên sinh thì không có tự tính, không có thật, tức là vô ngã phá tính và có bốn trường hợp giống như đất.

Kinh nói: “Thân này không có thọ giả như gió”, cũng có hai cách giải thích:

1- Đả phá ngoại nhân để giải thích: Ngoại nhân chấp có thọ giả, làm sao biết được ? Nếu không có thọ giả làm sao có hơi thở ra vào nối nhau không dứt ? Nội nhân phá: Hơi thở ra vào chỉ là tướng gió, gió bên ngoài không có thọ giả, gió bên trong đâu phải thọ giả.

2- Y cứ nội quán để giải thích: Tướng gió xúc chạm nhẹ nhàng vô hình vô ngại làm gì có thọ mạng. *Kinh Đại Tập* nói: “Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng”. Nếu quán xét hơi thở ra vào này, vào không tích tụ, ra không phân tán, đến không có đường, đi không để lại dấu, như không thể tìm gió trong hư không, gió đã chẳng phải thọ mạng thì hơi thở làm sao là thọ mạng ? *Kinh Thỉnh Quan Âm* nói: “Tính gió vô ngại”. Nay dùng bốn trường hợp để quán phong đại; nếu nói có tính có sinh thì bốn trường hợp có thể được đây là tướng chướng ngại không thể vào đạo; nếu dùng bốn trường hợp để quán phong đại, thì phong đại bất khả đắc, đây là vô ngại, vô ngại tức là vào chỗ chân thật. Quán ba việc của thân, hơi thở chẳng phải thọ mạng như gió nên nói “thân này không có thọ giả như gió”.

- Kinh nói: “Thân này không có nhân như nước” đây là y cứ thủy đại để phá nhân, cũng có hai cách giải: đả phá ngoại nhân để giải, đem nội quán để giải.

Đầu tiên nói về đả phá ngoại nhân để giải, ngoại nhân chấp có thần là nhân, làm sao biết ? Nếu trong thân không có thần làm sao có thể ban ân lành cho muôn loài ? Nội nhân phá: Ta thấy nước có thể tưới mát tùy theo đồ đựng vuông tròn nhưng nước không có thần không có nhân, cũng như ông có thể ban bố ân đức cho vạn vật mà cũng không có thần, không có nhân.

Kế nói về nội quán để giải, nước do ba vi tạo thành, không có tính cố định. Không có tính là không có nước. Ba việc tạo thành thân không có tính cố định, không có tính là không có thân, không có thân là không có nhân, cho nên nói “thân này không có nhân như nước”.

Lại giải như đứa bé thấy bóng nó trong nước bèn cho rằng trong nước có người, nếu vào nước tìm người trọn không thể được. Trong ba việc, phàm phu sinh thân kiến cho rằng thân là nhân, xét kỹ ba việc không thấy thân tương tức là không có nhân.

Kinh Thỉnh Quan Âm nói: “Tính nước chẳng dùng mà bị dùng là do ao đầm vuông tròn chướng ngại, chẳng phải nước có tính dùng”. Nay kiếm nhân cũng như thế tùy theo các pháp được tên nhân, không có tính cố định. Nếu dùng bốn trường hợp để quán xét thủy đại có tính, có trước, đây là nghĩa dùng; nếu quán xét thủy đại trong bốn trường hợp không tính, không trước, đây là nghĩa không dùng (vô trụ); vô trụ nên vào nơi chân thật.

- Kinh nói: “Thân này chẳng thật, bốn đại là nhà”, đây là y cứ chung vào bốn đại để phá ngã, nói về hạnh vô ngã.

Nếu y cứ đả phá ngoại nhân để giải, ngoại nhân chấp: trong thân không thật có thần ngã nhưng hiện tại thấy lục tình nương nơi thân mà có, cho nên biết thật có thần ngã. Nội nhân phá: Hiện tại thấy lục tình nương nơi bốn đại mà trụ, không riêng có chỗ nương của thần ngã.

Nếu y cứ nội quán để giải, thân gọi là một thì một thân chẳng trụ tại bốn đại. Nếu một đại ngã trụ thì ba đại lẽ ra không có thân giả danh. Nếu mỗi đại đều có thì có bốn thân. Hoặc tức, hoặc ly tứ cú y cứ trong bốn đại quán xét thân chẳng được cho nên biết thân chẳng có thật. Nếu thân chẳng thật là phá được thân kiến; phá thân kiến thì 16 tri kiến của ngã kiến đều phá.

- Kinh nói: “Thân này là không, lìa ngã và ngã sở”, đây là y cứ không đại để phá ngã, nói về hạnh vô ngã.

Nếu y cứ đả phá ngoại nhân để giải, ngoại nhân chấp có ngã sở, nếu không có thần ngã thì làm sao có cõi nước, con người, sự vật. Nếu thấy thật, phải biết ngã cũng là thật. Nội nhân phá: nếu ngã sở là không thì ngã cũng phải không, như không đại trong thân, không đại và tất cả ngoại không là ngã sở không nên ngã cũng không.

Nếu y cứ nội quán để giải, tức là y cứ không đại phá thân kiến; bốn đại tạo sắc đầy hư không nên tạm gọi là thân, lìa không thì không thân. Nếu là ngoại không hoặc nội không chẳng gọi là thân. Nay y cứ không đại quán xét thân chẳng thể được là phá thân kiến, phá thân kiến thì lìa ngã và ngã sở.

- Kinh nói: “Thân này vô tri như cỏ, cây, ngói, đá”, đây là y cứ thức đại để phá ngã, nói về hạnh vô ngã.

Nếu y cứ đả phá ngoại nhân để giải, ngoại nhân chấp: nếu trong thân không có thần thì làm sao biết được những việc như khí hậu bốn mùa. Nội nhân phá: Như cỏ, cây, gạch, đá cũng như khí hậu âm dương theo mùa chuyển biến, dường như có sự hiểu biết mà chẳng phải thần biết khiến cho thân tuy có biết như cỏ, cây, ngói, đá, nhưng không có thần biết.

Lại ngoại nhân chấp trong thân có thần khiến cho hay biết. Nội nhân phá: Nếu thần khiến cho hay biết thì cái gì khiến cho thần biết, bèn không có thần sai khiến cần gì sai khiến? Nếu không có thần sai khiến thì vô tri; vô tri thì như cỏ, cây, ngói, đá.

Nếu y cứ nội quán để quán xét thức đại, trong ba việc họp thành thân thì thọ mạng và hơi ấm vô tri, chỉ có thức là biết. Nếu cho rằng thức hay biết thì thức quá khứ đã diệt, diệt nên chẳng thể biết; thức hiện tại sát-na chẳng dừng, không có lúc tạm dừng nên chẳng thể biết; thức vị lai chưa có, thức chưa có làm sao có biết? Tìm cái biết nơi ba đời không thể được, lìa ba đời không riêng có cái biết cho nên nói “thân này vô tri như cỏ, cây, ngói, đá”.

- Kinh nói: “Thân này vô tác như sức gió chuyển động”, đây là y cứ gió động giúp thành để phá sự tạo tác của thức, nói về hạnh vô ngã.

Nếu y cứ đả phá ngoại nhân để giải, ngoại nhân chấp trong thân có thần ngã nên có thể tạo tác mọi việc. Nội nhân phá: Đây chẳng phải thần làm, những việc do thân tạo tác đều là sức gió chuyển.

Nếu y cứ nội quán tâm để giải, do vọng niệm tâm động, trong thân nương vào gió sinh ra mọi thứ tạo tác, cho nên *kinh Đại Tập* nói: “Có gió đi lên, có gió đi xuống”. Nếu nghĩ đến gió đi lên thì tâm đi lên, nếu nghĩ đến gió đi xuống thì tâm đi xuống; sự vận chuyển đều do gió theo tâm chuyển tác mọi việc. Nếu con đường gió không thông thì tay chân tê cứng, tâm dù có niệm nhưng cử động không theo ý mình, như người kéo chốt cửa phải khéo xoay xử. Nếu chặt tay thì không có sự nắm kéo, nên biết đều là nhờ gió tạo ra. Nay quan sát sự nương gió này chẳng phải do mình tạo, cũng chẳng phải do người tạo. Nếu không sinh tức là không, còn chẳng thể tự có khiến cho ba việc hợp thành thân chẳng thể được, vậy thì ai làm ?

Giải thích: Trong ngoài chấp ngã đều từ sáu đại chủng địa, thủy, hỏa, phong, không, thức và ba việc thức, hơi ấm, hơi thở trong thân khởi chấp. Nay quán sáu đại, ba việc bên trong chỉ là một đại của thức, thế gian phần nhiều chấp chặt cho là thật ngã. Nay chỉ cần suy tìm nơi ba đời trong ngoài tự nhiên không ngã, không thức. Trong ngoài suy tìm như chấp thức thật ở trong thân, cái gì là thức ? Nếu nói thân chia ra da, thịt, gân, xương là thức, đây là địa đại. Nếu nói tinh, huyết, phân, tiểu là thức, đây là thủy đại. Nếu nói hơi nóng trong thân là thức, đây là hỏa đại. Nếu nói cúi xuống, ngửa lên, nói năng, bàn luận là thức, đây là phong đại. Ngoài bốn đại chỉ là không đại, cái gì là thức ? Mọi thứ đã không, hòa hợp làm sao có ? Như ép một hạt cát không có dầu, hợp nhiều hạt cát đâu thể có dầu; như một con chó chẳng phải sư tử, cả bầy chó cũng không phải. Bốn đại này suy tìm vô thể đây là nội không; sau khi chết đều trở lại bốn đại bên ngoài, mỗi đại quy về không đây là ngoại không. Trong ngoài đều không, thức tính không nương giá.

Lại suy tìm bên trong đã không thì lẽ ra thức ở bên ngoài, bên ngoài thuộc về thân người khác tự nó không có chủ thể và đồng như hư không nào có phân biệt! Trong ngoài đã không thì trung gian làm gì có, vì dựa vào trong ngoài lập ra trung gian. Chỉ cần phá

trong ngoài thì trung gian tự rỗng không. Nếu trong ngoài đã không thì thức lẽ ra ở nơi ba đời. Thế nào là từ ba đời để biện thức ?

Nhân thức lập ra ba đời, nếu không có thức thì ai chia ba đời ? Nếu không có ba đời thì lấy gì để rõ thức ? Bởi ba thức này nếu chẳng phải nghĩ quá khứ thì liền tương vị lai, nếu chẳng duyên quá khứ vị lai liền trụ hiện tại, là ngoài ba thuở không còn có thức. Cho nên Tổ sư nói: “Một niệm chẳng sinh, thuở trước thuở sau bất”. Hiện tại niệm niệm thành ba đời, niệm niệm thức chẳng trụ, niệm niệm chỉ là gió, niệm niệm không chủ thể, vì thế *kinh Kim Cang* nói: “Tâm quá khứ không thật có, tâm vị lai không thật có, tâm hiện tại không thật có”. Vì nhờ hiện tại lập quá khứ, nhờ quá khứ lập vị lai; hiện tại đã chẳng trụ, quá khứ cũng không sinh, hồ tương quán xét đều là không, triệt để không tịch, một mảy may sinh khởi đều là do thức. Nay suy tìm thức đã không thì phân biệt tự diệt; phân biệt đã diệt thì cảnh giới không nương tựa, như nương vào nước sinh ra sóng, nhờ gương hiện bóng. Không có nước thì sóng chẳng khởi, không có gương thì bóng chẳng sinh, cho nên biết chẳng liên quan đến pháp hữu, pháp vô mà chỉ là thức sinh, thức diệt. *Kinh Kim Cang Tam-muội* có kệ:

*Pháp từ phân biệt sinh
Lại từ phân biệt diệt
Diệt là phân biệt diệt
Pháp ấy chẳng sinh diệt.*

Thông đạt như thế, căn cảnh rỗng rang, tự giác đã rõ thì có thể lợi tha, vì thế kinh có bài kệ:

*Cứu cánh là hư vọng
Vô nhiễm như hư không
Pháp thân diệu thanh tịnh
Lặng lẽ ứng tất cả.*

Thế nên nếu chẳng đích thân quán sát tỉ mỉ thế gian thô phù thì diệu quán chẳng thông, trí nhãn mù mờ, chấp vọng mê chân,

cho không là có. Nếu khéo quán sát liền được đồng như chư Thánh. *Kinh Viên Giác* nói: “Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn:

- Nay thiện nam, các ông hay vì chư Bồ-tát và chúng đời mạt pháp hỏi Như Lai về thứ lớp tu hành, tư duy trụ trì, cho đến tạm nói các phương tiện. Ông hãy lắng nghe ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy, Bồ-tát Phổ Nhãn hoan hỉ vâng lời và cả đại chúng im lặng lắng nghe. Phật dạy:

- Nay thiện nam, Bồ-tát mới học và chúng sinh đời mạt pháp muốn cầu tâm viên giác thanh tịnh của Như Lai cần phải chính niệm xa lìa các huyễn. Trước tiên nương nơi hạnh xa-ma-tha của Như Lai, giữ gìn giới cấm, ở yên trong đờ chúng, ngồi nơi tịnh thất thường nghĩ rằng: “Thân ta do bốn đại hòa hợp, đó là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não... đều thuộc đất; nước mũi, nước mắt, máu, mủ, tân dịch, nước miếng, nước dãi, tinh khí, đàm nhớt, đại tiểu tiện đều thuộc nước; hơi nóng thuộc lửa; chuyển động thuộc gió. Nếu bốn đại đều lìa thì thân hư vọng này sẽ ở nơi nào? Tức là biết thân này ráo rột không có thật thể, hòa hợp làm tướng, thật sự đồng như huyễn hóa. Bốn duyên giả hợp, vọng có sáu căn. Sáu căn và bốn đại trong ngoài hợp thành, vọng có duyên khí tích tụ bên trong dường như có duyên tướng tạm gọi là tâm”.

Này thiện nam, tâm hư vọng này nếu không có sáu trần thì chẳng thể có, phân tích bốn đại không trần để được. Trong đó duyên trần đều trở về tan diệt, ráo rột không có tâm phan duyên để thấy.

Này thiện nam, thân huyễn của chúng sinh diệt nên tâm huyễn cũng diệt; tâm huyễn diệt nên trần huyễn cũng diệt; trần huyễn diệt nên diệt huyễn cũng diệt; diệt huyễn diệt nên phi huyễn chẳng diệt. Ví như lau gương bụi hết sáng hiện.

Này thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyễn cấu, tướng cấu uế hết sạch, mười phương thanh tịnh. Này thiện nam, như hạt châu ma-ni trong sạch ánh lên năm sắc hiển hiện khắp nơi, những người ngu si thấy ma-ni ấy cho thật có năm sắc. Này thiện nam, tính viên

giác thanh tịnh hiện nơi thân tâm đều ứng tùy theo loài, người ngu si nói tính viên giác thanh tịnh thật có như thế. Tự tướng thân tâm cũng lại như vậy, do đó chẳng thể xa lìa huyễn hóa, vì thế ta nói thân tâm huyễn cấu. Bật đối đãi, lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát. Cấu hết đối trừ tức là không còn đối trị cấu uế và nói đến tên.

Này thiện nam, Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp vì chúng được pháp như huyễn nên dứt ảnh tượng, khi ấy hiển phát giác ngộ viên minh thanh tịnh, vô biên như hư không. Giác viên minh nên hiển tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh nên kiến trần thanh tịnh, kiến thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh; thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh; thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh.

Này thiện nam, sáu trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh, địa đại thanh tịnh nên thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại cũng như thế.

Này thiện nam, bốn đại thanh tịnh nên 12 xứ, 18 giới, 25 hữu thanh tịnh, những thứ ấy thanh tịnh nên thập lục, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, 18 pháp bất cộng, 37 phẩm trợ đạo thanh tịnh, cho đến tám vạn bốn nghìn môn đà-la-ni thanh tịnh.

Này thiện nam, tất cả tính thật tướng thanh tịnh nên một thân thanh tịnh; một thân thanh tịnh nên nhiều thân thanh tịnh; nhiều thân thanh tịnh nên cho đến viên giác của mười phương chúng sinh thanh tịnh.

Này thiện nam, một thế giới thanh tịnh nên nhiều thế giới thanh tịnh; nhiều thế giới thanh tịnh nên cho đến tận hư không suốt ba đời tất cả bình đẳng thanh tịnh bất động.

Này thiện nam, hư không bình đẳng bất động nên biết tính giác bình đẳng bất động; vì bốn đại bất động nên biết tính giác bình đẳng bất động; cho đến tám vạn bốn nghìn môn đà-la-ni bình đẳng bất động nên biết tính giác bình đẳng bất động.

Này thiện nam, vì tính giác đầy khắp thanh tịnh bất động không bờ mé nên biết sáu căn đầy khắp pháp giới; vì căn đầy khắp nên biết sáu trần đầy khắp pháp giới; vì trần đầy khắp nên biết bốn đại đầy khắp pháp giới; cho đến môn đà-la-ni đầy khắp pháp giới.

Này thiện nam, do tính diệu giác đầy khắp nên căn tính, trần tính không hoại, không tạp; căn trần không hoại nên cho đến môn đà-la-ni không hoại, không tạp. Như trăm nghìn ánh đèn soi chiếu trong một ngôi nhà, ánh sáng ấy đầy khắp không hoại không tạp.

Này thiện nam, giác thành tựu nên biết Bồ-tát chẳng bị pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp giải thoát, chẳng chán ghét sinh tử, chẳng ưa thích niết-bàn, chẳng kính người giữ giới, chẳng chê kẻ phá giới, chẳng trọng người tu lâu, chẳng khinh kẻ mới học. Vì sao? Vì tất cả đều giác ngộ. Ví như mắt sáng thấy rõ cảnh phía trước, ánh sáng ấy trọn vẹn không có yêu ghét. Vì sao? Vì thể của ánh sáng không hai, không yêu ghét.

Này thiện nam, Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp tu tập tâm này được thành tựu, nơi đây không tu cũng không thành tựu, viên giác phổ chiếu tịch diệt không hai. Trong đó trăm nghìn vạn ức bất khả thuyết a-tăng-kỳ Hằng hà sa thế giới chư Phật như hoa đốm sinh khởi loạn xạ, bất tức, bất ly, không buộc, không mở, mới biết chúng sinh xưa nay thành Phật, sinh tử niết-bàn như giấc mộng đêm qua.

Này thiện nam, như giấc mộng đêm qua nên biết sinh tử và niết-bàn không sinh, không diệt, không đến, không đi. Cái được chúng thì không được, không mất, không lấy, không bỏ. Người năng chúng thì không tác, không chỉ, không nhậm, không diệt. Trong sự chúng đắc này không năng không sở, tuyệt đối không chúng cũng không người chúng, tất cả pháp tính bình đẳng chẳng hoại.

Này thiện nam, chư Bồ-tát ấy tu hành như thế, tuân tự như thế, tư duy như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế cũng chẳng mê muội. Do đó phàm phu mê muội sợ hãi sinh, lão, bệnh, tử; hàng nhị thừa thiên kiến nhằm

chán thành, trụ, hoại, không. Nếu lúc đốn ngộ chẳng chán chẳng sợ, hoàn toàn đem pháp sinh tử độ thoát quần sinh, vì tính sinh tử rỗng không. Như Thích-ca Như Lai chẳng chán là cũng chẳng đắm trước; sinh thì giáng trần vương cung diễn lời độc tôn; lão thì thọ 80 tuổi bày pháp thiên hoại; bệnh thì đau lưng nằm nghỉ cảnh báo thân hư huyễn; tử thì thị hiện tịch diệt tại Song Lâm, hiển bày nỗi khổ vô thường khiến cho hàng tiểu căn ngộ sự biến thiên, bậc đại trí đốn liễu viên thường. Cho nên biết trong sinh lão bệnh tử đều có thể phát sinh giác ngộ, trong sự đi đứng ngồi nằm đều có thể chứng chân, làm sao đồng với kiến giải chán sợ của phàm phu tiểu thừa ?
